TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12-01-2022
"V/v tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;

2. Ông Đỗ Minh Tùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên toà: Ông Trần Hoàng Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 219/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 về việc "tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/QĐXX-HNGĐ ngày 23/12/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Phương T, sinh năm 1992; thường trú tại: Số 0612, tầng 5, khối A, Khu chung cư giá thấp H, đường số 11, KDC Hiệp T, tổ 105, khu 7, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Huỳnh Kim Ng, sinh năm 1985; trú tại: Số 22/09/20 đường số 21, phường 8, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 11/5/2021), có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Xuân L, sinh năm 1978; hộ khẩu thường trú: Khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Ô16, lô K2A, đường NE8, Khu dân cư ấp 2, phường Thới H, thị xã B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 5 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà T và ông Bùi Xuân L sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có 01 con chung là cháu Bùi Như Y, sinh ngày 13/8/2015. Tháng 9 năm 2015, ông L có đến Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước làm thủ tục cha nhận con. Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước đã ra Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 09/9/2015 về việc công nhận việc cha nhận con là cháu Bùi Như Y, sinh ngày 13/8/2015.

Đến khoảng tháng 3 năm 2017, ông L và bà T không còn sống chung với nhau nữa. Kể từ khi ông L bỏ đi thì việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Như Y là do bà T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Tất cả các chi phí liên quan đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Y là do một mình bà T chi trả như tiền ăn uống, sinh hoạt, học tập, chi phí chăm sóc sức khỏe…

Từ năm 2017, ông L bỏ đi và không thăm nom, không hỗ trợ cấp dưỡng cho bé Như Y. Việc nuôi một đứa con rất khó khăn và tốn nhiều chi phí nên bà T mong muốn ông L hỗ trợ cấp dưỡng cho bé Bùi Như Y.

Các chi phí để chăm sóc, nuôi dạy hàng tháng cho bé Như Y bao gồm các khoản sau:

- Chi phí học tập: tiền học bán trú là 850.000 đồng/ tháng, tiền học ngoại ngữ: 3.500.000 đồng/tháng.

- Chi phí mua sữa: 1.600.000 đồng – 2.000.000 đồng/ tháng.

- Chi phí ăn uống: 2.500.000 đồng – 3.000.000 đồng/ tháng.

- Chi phí quần áo, trang phục: 700.000 đồng – 800.000 đồng/tháng.

- Chi phí thăm khám sức khỏe: 1.000.000 đồng – 1.500.000 đồng/ tháng.

- Chi phí đưa đón cháu đi học: 800.000 đồng – 1.200.000 đồng/ tháng.

- Chi phí sinh hoạt, giải trí: 800.000 đồng/tháng.

Bà T ước tính chi phí hợp lý để nuôi cháu Y mỗi tháng 11.000.000 đồng. Bà T có nộp cho Tòa án các hóa đơn chứng từ thể hiện các chi phí nuôi dưỡng, học hành cho bé Y và tài liệu chứng minh thu thập của ông L là giấy đăng ký kinh doanh.

Hiện tại bà T đang làm nhân viên Công ty tại Thủ Dầu Một với mức lương thu thập hàng tháng là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Ngoài ra bà T không có thu nhập nào khác.

Nay bà T yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi cháu Y mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi.

Bị đơn ông Bùi Xuân L trình bày:

Ông L và bà T sống chung với như vợ chồng từ năm 2015 không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có 01 con chung là cháu Bùi Như Y sinh ngày 13/8/2015.

Khoảng tháng 2 năm 2017 thì ông L và bà T không còn sống chung với nhau nữa. Cháu Y do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc nhưng bà T hay gửi cháu Y cho mẹ ruột ở Bình Phước. Ông L thường xuyên đến thăm cháu Y và có cấp dưỡng cho cháu Y hàng tháng. Nhưng do ông L làm kinh doanh nên thu nhập mỗi tháng khác nhau, có tháng ông L cấp dưỡng cho cháu 2.000.000 đồng, có khi cấp dưỡng nhiều hơn, có khi ít hơn.

Công việc hiện tại của ông L là quản lý trung tâm ngoại ngữ - tin học Rạng Đông Mỹ nhưng cả năm 2021, do ảnh hưởng dịch Covid -19 nên Trung tâm gặp nhiều khó khăn về tài chính, Trung tâm phải đóng cửa trong suốt thời gian giãn cách xã hội và cách ly xã hội nên những tháng gần đây hầu như không có thu nhập.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà T, ông L chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Y mỗi tháng 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không bổ sung thêm tài liệu hay chứng cứ nào khác;

Bị đơn bổ sung thêm tài liệu mới gồm: Giấy khai sinh của Bùi Nguyễn Khánh H, sinh ngày 03/6/2009 là con chung của ông L và bà Nguyễn Thị Ái L; Trích lục khai sinh của Bùi Nguyễn Thiên A, sinh ngày 23/02/2020 (là con chung của ông L và bà Nguyễn Ngọc L) và trình bày thêm: Hiện ông L có 04 người con gồm: Nguyễn Khánh H, sinh năm 2008; Nguyễn Thị Khánh H1, sinh năm 2009; Bùi Như Y, sinh năm 2015 và Bùi Nguyễn Thiên A, sinh năm 2020 nên rất khó khăn về cấp dưỡng, ông L chủ yếu chỉ lo về tiền học phí, quần áo và sách vở, phần còn lại do mẹ các con tự lo. Ông L chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Như Y mỗi tháng 2.500.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông L phải cấp dưỡng nuôi cháu Y, mức cấp dưỡng phải phù hợp với khu vực sinh sống, phù hợp với thu nhập của ông L trên cơ sở bảo đảm các nhu cầu về ăn, mặc, học hành và vui chơi giải trí của cháu Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Bùi Xuân L có hộ khẩu thường trú tại khu phố 2, phường Mỹ Phước; thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát.

[2] Tòa án nhân định về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Bà T và ông L sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có 01 con chung là cháu Bùi Như Y, sinh ngày 13/8/2015. Tháng 9 năm 2015, ông Long có đến Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước làm thủ tục cha nhận con. Ủy ban nhân dân xã Tân K, huyện H, tỉnh Bình Phước đã ra Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 09/9/2015 về việc công nhận việc cha nhận con là cháu Bùi Như Y, sinh ngày 13/8/2015. Như vậy, cháu Bùi Như Y là con chung của bà Lê Phương T và ông Bùi Xuân L.

[2.2] Bà T yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Ông L chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Y mỗi tháng 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Xét thấy, vợ chồng điều có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ vào thu nhập thực tế của các bên; căn cứ vào nhu cầu về ăn, mặc, học hành và vui chơi giải trí thực tế của cháu Y, căn cứ vào mức sống bình quân của địa phương nơi cháu Y đang sinh sống, Hội đồng xét xử thấy rằng bình quân mỗi tháng cần phải chi phí số tiền 6.000.000 đồng để nuôi dưỡng cháu Y, bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên ông L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Bà T yêu cầu ông Long cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng là chưa phù hợp, quá cao so với mặt bằng chung và so với thu nhập thực tế của ông L, trong đó có các khoản chi phí bà T đưa ra chưa phù hợp như chi phí học ngoại ngữ, chi phí ăn uống, mua sữa nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T.

[3] Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ các phân tích trên, xét thấy chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con. Buộc ông L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Bùi Như Y với số tiền mỗi tháng là 3.000.0000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi.

[5] Về án phí: Ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án dân sự không có giá ngạch được quy định tại điểm a, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84, 116, 117 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Phương Thảo đối với bị đơn ông Bùi Xuân L về việc "tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con".

Buộc ông Bùi Xuân L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Như Y, sinh ngày 13/8/2015 mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi.

Ông L được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con một hoặc hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án nộp đơn yêu cầu tại cơ quan thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

2. Về án phí: Ông Bùi Xuân L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lê Phương T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Phương

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Phương